

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2022/DS-ST

Ngày: 12/9/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bút;

2. Ông Nguyễn Duy Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2022/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Kim T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: bà Võ Thị Minh T, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Đặng Thanh P**, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1951; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2022, đơn trình bày ý kiến ngày 06/7/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Võ Thị Minh T trình bày:

Vào ngày 10/11/2018, ông P có mượn của bà T số tiền là 50.000.000 đồng để mua bán trái cây. Ông P thỏa thuận đến ngày 10/02/2019 sẽ hoàn lại số tiền trên cho bà T. Do chỗ quen biết nên bà T không tính lãi suất đối với ông P. Ông P có viết “biên nhận” ký tên ghi họ tên, số tiền mượn của bà T là 50.000.000 đồng. Khi tới hạn trả nợ, bà T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông P trả tiền nhưng ông P hẹn mà không trả.

Nay bà T yêu cầu ông P có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Bà T không yêu cầu tính lãi số tiền nêu trên.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 05/7/2022, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Thanh P trình bày:

Ông P thừa nhận có viết “biên nhận” ngày 10/11/2018 để vay bà T số tiền 50.000.000 đồng như lời trình bày của bà T nhưng thực tế ông P không có nhận số tiền 50.000.000 đồng từ bà T. Vì ông P làm “biên nhận” ngày 10/11/2018 để bảo lãnh cho mẹ ruột ông P vay tiền của bà T (mẹ ruột ông P là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951; địa chỉ: ấp Hòa An, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre). Bà T giao số tiền 50.000.000 đồng cho bà T trước ngày 10/11/2018 nên ông P viết “biên nhận” để cho bà T tin tưởng cho bà T vay tiền như trình bày trên. Cho nên, ông P không đồng ý trả bà T số tiền 50.000.000 đồng. Ông P sẽ trao đổi lại với bà T về số tiền nợ bà T là 50.000.000 đồng, nếu có tiền ông cũng phụ bà T trả nợ cho bà T.

Ông P có nhận Thông báo về việc giao nộp chứng cứ số 428/TB-GNCC ngày 20/7/2022 của Tòa án. Tuy nhiên, ông P không có cung cấp tài liệu chứng cứ theo nội dung thông báo số 428 nêu trên.

Việc ông P làm tờ “biên nhận” ngày 10/11/2018 để bảo lãnh cho mẹ ruột ông P vay tiền của bà T thì ông P không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 08/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 2018, bà T có mua bán trái cây tại chợ T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian mua bán trái cây bà T có quen biết bà Phạm Thị Kim T ở xã T. Vào ngày 10/11/2018, bà T có vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng, mỗi tháng đóng lãi cho bà T số tiền 6.000.000 đồng. Vay khoảng 01 tháng thì bà T yêu cầu bà T nói con bà T là ông P làm giấy tay để bảo lãnh cho bà T vay tiền của bà T nhưng thực tế ông P không có nhận số tiền 50.000.000 đồng. Bà T thừa nhận bà T có vay của bà T số tiền 50.000.000

đồng và đồng ý trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng, còn ông P không liên quan số tiền này.

* Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà T, bà T yêu cầu ông P trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất số tiền nêu trên. Bà T không đồng ý việc bà T trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng vì giữa bà T và bà T là giao dịch dân sự khác không liên quan trong vụ án này.

* Bị đơn là ông P không đồng ý trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng vì ông P cho rằng ông ký tên tờ “biên nhận” ngày 10/11/2018 là để bảo lãnh cho mẹ ruột ông P (bà T) vay tiền của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Do ông P có nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên vụ kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P trả cho bà T số tiền là 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Vào ngày 10/11/2018, ông Đặng Thanh P có viết tờ “Biên nhận” có nội dung “Tôi tên Đặng Thanh P sinh 1972, CMND số 320774827; nơi ở: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Tôi có hỏi mượn em T ở xã T, huyện P số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu chẵn)”. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông P thừa nhận tờ “Biên nhận” nêu trên do ông P viết và ký tên, ghi họ tên. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong khi đó ông P và bà T đều cho rằng ông P ký tờ “Biên nhận” nêu trên để bảo lãnh cho mẹ ruột ông P là bà Nguyễn Thị T vay tiền của bà T, ông P không có nhận

số tiền 50.000.000 đồng của bà T, mà bà T là người nhận tiền vay của bà T. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của bà T không thừa nhận việc bà T có vay tiền của bà T (không phải ông P vay) số tiền 50.000.000 đồng, cũng như ông P và bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bà T là người trực tiếp vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng; mặc dù Tòa án đã ra thông báo về việc giao nộp tài liệu chứng cứ cho ông P và bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông P phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng là có cơ sở. Bà T không yêu cầu tính lãi suất số tiền nêu trên. Đây là sự tự nguyện của bà T nên ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $50.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.500.000 \text{ đồng}$.

Hoàn tạm ứng án phí cho bà T số tiền là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0006896 ngày 12/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 217 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim T về việc yêu cầu ông Đặng Thanh P trả số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Buộc ông Đặng Thanh P phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Kim T số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi suất số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Đặng Thanh P phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Hoàn tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị Kim T số tiền là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0006896 ngày 12/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C;
- Chi cục T.H.A DS C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVÀ+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Tuyết Nga